

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 50

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính đăng ký của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ô tô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ô tô; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ô tô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp và nông nghiệp; dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ; và bán lẻ nhiên liệu động cơ.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 49 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	
Ông Adrian Teng	Thành viên	
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	
Ông Phạm Văn Tài	Thành viên	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên	từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2018

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng ban
Ông Đặng Công Trục	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch Thường trực	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Văn Tài	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trần Bảo Sơn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Số tham chiếu: 61005161/20237558/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải ("Công ty") được lập ngày 20 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 5 đến trang 50, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét của chúng tôi đến ngày 20 tháng 8 năm 2018 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		14.755.229.930	9.053.434.391
110	I. Tiền	4	173.549.817	55.347.383
111	1. Tiền		173.549.817	55.347.383
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		346.054.174	462.029.308
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	176.645.721	300.322.358
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	169.408.453	161.706.950
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		11.533.188.662	7.107.033.165
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.017.193.789	1.418.883.846
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	2.091.200.261	1.140.083.263
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	573.831.120	763.601.528
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	7.856.487.538	3.790.053.023
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(5.668.348)	(5.668.348)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		144.302	79.853
140	IV. Hàng tồn kho	10	2.450.882.545	1.297.993.195
141	1. Hàng tồn kho		2.452.408.921	1.299.714.379
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.526.376)	(1.721.184)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		251.554.732	131.031.340
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	60.939.174	26.026.579
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	19	190.615.558	91.182.796
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	-	13.821.965
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		25.313.289.612	22.455.575.233
210	I. Khoản phải thu dài hạn		2.305.439.396	1.424.092.598
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	12	30.827.949	30.827.949
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	2.274.611.447	1.393.264.649
220	II. Tài sản cố định		5.113.006.667	4.760.245.484
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	1.210.920.799	864.536.487
222	Nguyên giá		1.861.155.368	1.433.220.287
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(650.234.569)	(568.683.800)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	3.902.085.868	3.895.708.997
228	Nguyên giá		4.033.058.764	4.000.711.818
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(130.972.896)	(105.002.821)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		529.688.127	589.060.048
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	529.688.127	589.060.048
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	16	17.245.522.560	15.565.469.615
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	17.307.595.642	15.591.896.886
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	16.2	7.140.000	7.140.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.3	62.500.369	62.500.369
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(131.713.451)	(96.067.640)
260	V. Tài sản dài hạn khác		119.632.862	116.707.488
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	118.963.282	116.036.689
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	669.580	670.799
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		40.068.519.542	31.509.009.624

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.048.801.155	6.755.920.862
310	I. Nợ ngắn hạn		14.043.928.946	6.752.566.869
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	6.075.114.415	2.412.316.806
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	4.370.113.439	400.401.043
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	39.754.584	23.383.053
314	4. Phải trả người lao động		18.037.314	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	68.036.523	106.246.789
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.156.231	798.436
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	982.412.534	229.651.483
320	8. Vay ngắn hạn	22	2.489.142.179	3.579.607.532
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		161.727	161.727
330	II. Nợ dài hạn		4.872.209	3.353.993
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		1.524.308	-
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn		3.347.901	3.353.993
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.019.718.387	24.753.088.762
410	I. Vốn chủ sở hữu		26.019.718.387	24.753.088.762
411	1. Vốn cổ phần	23.1	16.580.000.000	16.580.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		16.580.000.000	16.580.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	29.878.837	29.878.837
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	9.409.839.550	8.143.209.925
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		6.153.609.925	3.661.441.007
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		3.256.229.625	4.481.768.918
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		40.068.519.542	31.509.009.624

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	22.159.467.541	17.036.857.132
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(90.780)	(121.134)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	22.159.376.761	17.036.735.998
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(21.272.653.210)	(16.414.471.126)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		886.723.551	622.264.872
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	3.224.436.884	2.607.563.711
22	7. Chi phí tài chính	26	(178.377.848)	(195.217.549)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	26	(54.703.441)	(38.975.904)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(320.283.217)	(269.161.801)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(327.724.786)	(258.844.867)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.284.774.584	2.506.604.366
31	11. Thu nhập khác	29	32.642.515	45.310.034
32	12. Chi phí khác	29	(20.135.444)	(115.881.489)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác	29	12.507.071	(70.571.455)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.297.281.655	2.436.032.911
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(41.050.811)	-
52	16. (Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	31.3	(1.219)	9.638.911
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.256.229.625	2.445.671.822

Đỗ Thị Liên Chi
Người lập

Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		3.297.281.655	2.436.032.911
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13, 14	110.011.917	90.676.809
03	Trích lập các khoản dự phòng		35.451.002	14.581.481
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		48.617.796	127.579.418
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(3.135.020.110)	(2.512.670.143)
06	Chi phí lãi vay	26	54.703.441	38.975.904
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		411.045.702	195.176.380
09	Tăng các khoản phải thu		(3.167.551.915)	(26.829.683)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.253.064.784)	242.234.935
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		6.512.930.813	(358.489.409)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(38.346.083)	5.265.934
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		123.676.637	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(52.915.022)	(38.585.244)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	19	(375.994)	(45.768.655)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		2.535.399.354	(26.995.742)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ")		(208.940.286)	(279.022.217)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		5.812.834	1.043.196
23	Gửi tiết kiệm ngân hàng và cho đơn vị khác vay		(490.741.095)	(339.736.355)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		672.810.000	4.080.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.715.698.757)	(223.759.635)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và cổ tức nhận được		1.498.967.307	2.512.499.068
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(237.789.997)	1.675.104.057

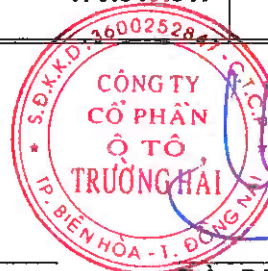
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018


Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		2.606.913.504	2.750.724.846
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.718.706.881)	(2.878.228.592)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.4	(1.067.630.995)	(1.656.888.279)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(2.179.424.372)	(1.784.392.025)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		118.184.985	(136.283.710)
60	Tiền đầu kỳ		55.347.383	248.674.687
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		17.449	(5.450)
70	Tiền cuối kỳ	4	173.549.817	112.385.527


Đỗ Thị Liên Chi
Người lập


Nguyễn Hoàng Phi
Kế toán trưởng




Trần Bá Dương
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 8 năm 2018